

Bản án số: 167/2019/DS-ST  
Ngày 22 - 11 - 2019  
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tiêu Hồng Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Châu Trung Trực

Ông Đặng Hữu Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Đoi.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Đoi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 433/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị M, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn Q; (vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị T; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Bà Trần Thị M trình bày: Bà tham gia hụi do ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T làm đầu thảo, đây hụi mở ngày 10/8/2017 ân, loại hụi 1.000.000 đồng, nửa tháng khai 01 lần, gồm 45 phần, bà tham gia 01 phần, bà đã đóng được 37 kỳ thì ông Q và bà T tuyên bố đình hụi vào ngày 25/02/2019 ân bà có đến gặp ông Q và bà T đòi nhiều lần nhưng ông Q và bà T không trả. Nay bà yêu cầu ông

Q và bà T trả cho bà số tiền là 1.000.000 đồng x 37 kỳ = 37.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà M yêu cầu ông Q và bà T trả tiền vốn và lãi hui là 30.000.000 đồng.

\* Đối với ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông Q, bà T không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đối với ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ tổng đạt đã đến địa chỉ nơi các đương sự có hộ khẩu để tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có ở địa phương nên Tòa án không thực hiện việc tổng đạt trực tiếp theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đây là thuộc trường hợp các đương sự không thông báo cho Tòa án biết việc thay đổi địa chỉ nên Tòa án thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Ông Q và bà T được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Q, bà T là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo bảng quy ước hui ngày 10/8/2017 thì bà M có tham gia 01 phần hui trong dây hui 1.000.000 đồng do ông Q và bà T làm đầu thảo là thực tế có xảy ra. Trong quá trình giao dịch hui, bà M thực hiện việc đóng hui được 37 kỳ, đến ngày 25/02/2019 thì ông Q và bà T tuyên bố đình hui và không trả tiền hui bà M đã đóng. Nay bà M yêu cầu ông Q, bà T trả số tiền 30.000.000 đồng; đối với ông Q, bà T mặc dù biết được nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà M nhưng ông Q và bà T không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà M thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Q và bà T là chủ hui, còn bà M là hui viên, trong quá trình tham gia hui bà M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hui cho ông Q và bà T. Ông Q và bà T với vai trò là người bảo lãnh cho các hui viên tham gia hui, trường hợp dây hui nêu trên bị đình thì ông Q và bà T phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả lại khoản tiền hui đã đóng cho bà M. Tuy nhiên, sau khi đình hui ông Q và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà M, như vậy ông Q và bà T đã vi phạm nghĩa vụ của người bảo lãnh theo quy ước. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Q và bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 177; Điều 179; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T trả cho bà Trần Thị M số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án, nếu ông Q, bà T chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí dân sự:

- Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Q và bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tiêu Hồng Phụng**